

PHỤ LỤC 1
ĐỀ XUẤT BẢNG GIÁ ĐẤT NÔNG NGHIỆP NĂM 2026

39. XÃ LONG CANG

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN TỪ ... ĐẾN HẾT	ĐƠN GIÁ ĐTVT ĐỀ XUẤT (đồng/m ²)			
			CHN	CLN	NTS	RSX
PHẦN I: VỊ TRÍ TIẾP GIÁP ĐƯỜNG GIAO THÔNG						
A	ĐƯỜNG TỈNH (ĐT)					
1	ĐT 830 (ĐT 16 và ĐT 19)	Ranh Bến Lức (Cầu Long Kim) - Cách ngã tư An Thuận 150m (trừ đoạn ngã tư Long Cang kéo dài về các phía 150m và đoạn ngã ba UBND xã Long Cang kéo dài về các phía 150m)	346.000	346.000	346.000	197.000
		Ngã tư Long Cang kéo dài về các phía 150m	346.000	346.000	346.000	197.000
		Ngã ba UBND xã Long Cang kéo dài về các phía 150m	346.000	346.000	346.000	197.000
		Ngã tư An Thuận kéo dài 150m về 2 phía	346.000	346.000	346.000	197.000
		Cách ngã tư An Thuận từ mét thứ 151 - Cách ngã ba Long Sơn 100m	346.000	346.000	346.000	197.000
		Tuyến mới qua xã Long Cang (còn lại)	290.000	318.000	290.000	197.000
		Ranh xã Long Cang - Cách ngã tư nút giao số 3 100m	290.000	318.000	290.000	197.000
		Phạm vi 100m - Ngã tư nút giao số 3	346.000	346.000	346.000	197.000

		Cách ngã tư nút giao số 3 mét thứ 101 - Cách nút giao số 4 50m	290.000	318.000	290.000	197.000
		Phạm vi 50m nút giao số 4	346.000	346.000	346.000	197.000
		Cách Ngã ba UBND xã Long Cang 150m - Cách ngã tư giao tuyến mới qua xã Long Cang 100m	346.000	346.000	346.000	197.000
		Ngã tư nút giao số 2 kéo dài 100m về các phía	346.000	346.000	346.000	197.000
2	ĐT 833B (ĐT 16B) (Trừ Khu TĐC Trung tâm Phát triển quỹ đất)	Ranh Bến Lức (cầu ông Tổng) – Ngã ba vào bến đò Long Cang (trừ đoạn trùng giữa ĐT 833B và ĐT 830) (Trừ Khu TĐC Bình Điền thuộc xã Long Định)	290.000	318.000	290.000	197.000
		Ngã ba vào bến đò Long Cang (trừ đoạn trùng giữa ĐT 833B và ĐT 830) - kéo dài 150m về phía cổng Đồi Ma	290.000	318.000	290.000	197.000
3	ĐT 835C	Ranh Bến Lức (cầu Bà Đắc) - Cách ngã tư An Thuận 150m	290.000	318.000	290.000	197.000
		Cách ngã tư An Thuận 150m - ngã tư An Thuận	346.000	346.000	346.000	197.000
4	ĐT 835D	Ngã tư An Thuận - cách ngã tư An Thuận 150m	346.000	346.000	346.000	197.000
		Cách ngã tư An Thuận 150m - Cách ngã ba cổng Long Hòa 150m	290.000	318.000	290.000	197.000
5	ĐT 830B (Đường CN Long Cang - Long Định) (Trừ KDC Long Định - Cty CP Tập đoàn Quốc tế Năm Sao)	Ranh Bến Lức - ĐT 833B	346.000	346.000	346.000	197.000
6	ĐT 835	Cầu Long Khê - Cách ngã tư Xoài Đồi giao lộ 150m				

B	ĐƯỜNG HUYỆN (ĐH)					
	ĐH 17	Cách ngã ba Long Sơn 100m - Bến đò Nhật Tảo	290.000	318.000	290.000	197.000
C	CÁC ĐƯỜNG KHÁC					
I	Các đường chưa có tên					
1	Đường liên xã Long Định - Long Cang	ĐT 830B Long Định - ĐT 830B Long Cang	290.000	318.000	290.000	197.000
2	Đường liên xã Long Khê - Phước Vân- Long Định	ĐT 835- ĐT 833B	290.000	318.000	290.000	197.000
3	Đường liên xã Long Hòa - Phước Vân	Cách Hương lộ 19 150m - Cách ĐT 830 150m	290.000	318.000	290.000	197.000
		ĐT 830 kéo dài 150m	290.000	318.000	290.000	197.000
4	Đường nhà Hội ấp 1-2		290.000	318.000	290.000	197.000
5	Đường kênh ấp 1-2		290.000	318.000	290.000	197.000
6	Đường kênh trường học - ủy ban		290.000	318.000	290.000	197.000
7	Đường đê ven kênh Trị Yên		290.000	318.000	290.000	197.000
8	Đường kênh 3 Nhẫn – 5 Du		290.000	318.000	290.000	197.000
9	Đường kênh 3 Hiệp – 3 Lâm		290.000	318.000	290.000	197.000
10	Đường Khu 9 – khu 10		290.000	318.000	290.000	197.000
11	Đường Khu 14 ấp 5 (7 Chà)		290.000	318.000	290.000	197.000
12	Đường đê ven kênh Trị Yên (xã Phước Vân)					
II	Đường giao thông khác còn lại nền đường $\geq 3m$, có trải sỏi đỏ, bê tông hoặc nhựa		339.000	371.000	339.000	230.000
III	Đường giao thông khác còn lại nền đường 2m đến $< 3m$, có trải sỏi đỏ, bê tông hoặc nhựa		271.000	297.000	271.000	184.000
IV	Đường giao thông khác còn lại nền đường $\geq 6m$, có trải sỏi đỏ, bê tông hoặc nhựa		441.000	482.000	441.000	299.000

V	Đường giao thông đất có nền đường $\geq 3\text{m}$		237.000	260.000	237.000	161.000
VI	Đường giao thông đất có nền đường 2m đến $< 3\text{m}$		170.000	186.000	170.000	160.000
VII	Đường giao thông đất có nền đường $\geq 6\text{m}$		305.000	334.000	305.000	207.000
D	CÁC KHU DÂN CƯ TẬP TRUNG					
1	Khu TĐC của Trung tâm Phát triển quỹ đất	Mặt tiền chợ, đường Công nghiệp, ĐT 833B	346.000	346.000	346.000	197.000
		Các vị trí còn lại	346.000	346.000	346.000	197.000
2	Khu TĐC Bình Điền thuộc	Đất loại I (tiếp giáp ĐT 833B)	346.000	346.000	346.000	197.000
		Các vị trí còn lại	346.000	346.000	346.000	197.000
3	Khu dân cư Long Định (Công ty Cổ phần Tập đoàn Quốc tế Năm Sao)	Tiếp giáp ĐT 830B	346.000	346.000	346.000	197.000
		Các vị trí còn lại	346.000	346.000	346.000	197.000
4	Các điểm dân cư nông thôn xã Long Cang		346.000	346.000	346.000	197.000
5	Khu dân cư Long Cang (dành cho người thu nhập thấp) (Công ty CP TMDV BĐS N.G.O)	ĐT 830B	346.000	346.000	346.000	197.000
		Đường N1, N2, N3, N4, N5, N6, N7, N8, N9, N10, D1, D2, D3, D4, D5 và các đường còn lại	346.000	346.000	346.000	197.000
PHẦN II: VỊ TRÍ TIẾP GIÁP SÔNG, KÊNH						
	Sông Vàm Cỏ Đông	Sông Rạch Cát - Sông Rạch Chanh	276.000	304.000	276.000	197.000
PHẦN III: VỊ TRÍ KHÔNG THUỘC QUY ĐỊNH TẠI PHẦN I VÀ PHẦN II			166.000	180.000	160.000	160.000